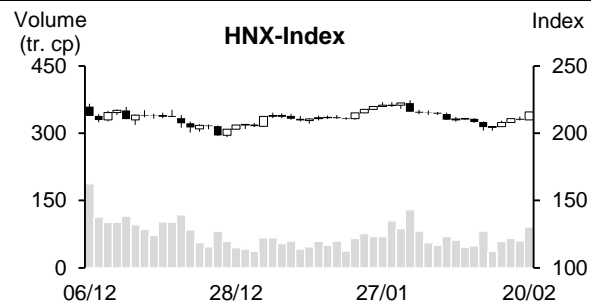
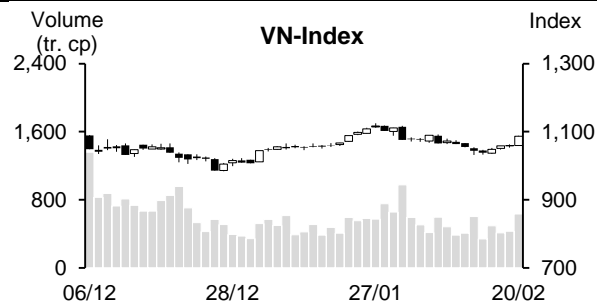


20/02/2023	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,086.69	2.58%	1,087.36	3.19%	215.83	2.80%
Tổng KLGD (tr. cp)	682.50	46.71%	208.97	48.48%	91.64	47.63%
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	632.36	47.28%	190.25	57.01%	90.94	51.19%
TB 20 phiên (tr. cp)	548.27	15.34%	169.10	12.51%	70.24	29.46%
Tổng GTGD (tỷ VND)	11,709	52.16%	4,962	56.01%	1,446	52.07%
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	10,507	52.54%	4,317	63.75%	1,436	56.74%
TB 20 phiên (tỷ VND)	9,291	13.09%	3,997	8.01%	1,044	37.57%
	Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %	
Số mã tăng	383	80%	29	97%	144	61%
Số mã giảm	42	9%	0	0%	50	21%
Số mã đứng giá	52	11%	1	3%	42	18%



ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên đầu tuần bùng nổ về mặt điểm số đồng thời thanh khoản cũng cải thiện đáng kể. Ngay từ đầu phiên sáng, sắc xanh đã bao trùm ở các cổ phiếu Bluechips. Trong đó, tâm điểm là các cổ phiếu bất động sản với đà tăng mạnh của bộ đôi NVL và PDR. Tâm lý thận trọng dường như đã được cởi bỏ và sự hưng phấn dần lan tỏa tích cực đến các nhóm ngành khác. Độ rộng thị trường ghi nhận sự áp đảo hoàn toàn của số mã tăng giá. Càng về cuối phiên, đà tăng của các chỉ số dần được nới rộng. Thậm chí, nhiều mã cổ phiếu đóng cửa với mức tăng kịch trần, tập trung chủ yếu ở hai nhóm ngành bất động sản và chứng khoán.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng vượt mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang quay lại thị trường. Không những vậy, chỉ số vượt qua áp lực của MA20 với cây nến tăng dài cô đặc, kèm theo đường +DI cắt lên trên -DI, cho thấy xu hướng phục hồi ngắn hạn đang quay trở lại. Thêm vào đó, đường RSI cho tín hiệu vượt qua đường Midline cho thấy đà tăng điểm đang mạnh lên và chỉ số đang mở ra cơ hội đi lên thử thách vùng 1.124 điểm (đỉnh tháng 1). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số cũng có phiên tăng vượt qua MA20 với cây nến tăng cô đặc, kèm theo khối lượng giao dịch gia tăng mạnh vượt mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý cơ hội tăng ngắn hạn đang mạnh lên và chỉ số có thể tiến lên thử thách ngưỡng 224 điểm (đỉnh cũ). Nhìn chung, thị trường đang quay lại xu hướng phục hồi ngắn hạn. Do đó, nhà đầu tư có thể cân nhắc mở các vị thế mua với tỷ trọng nhỏ, ưu tiên các cổ phiếu có cơ bản tốt, triển vọng kinh doanh năm 2023 khả quan và đang thu hút được dòng tiền mạnh.

Cổ phiếu khuyến nghị: Mua TCB

Cổ phiếu quan sát: LHG, CTD

(Xem chi tiết ở trang 2)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	TCB	Mua	21/02/23	28.6	28.6	0.0%	31.8	11.2%	27	-5.6%	Cổ phiếu có tín hiệu quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	LHG	Quan sát mua	21/02/23	22.95	26-27	Nền tăng tốt, cắt lên chòm MA hội tụ kèm vol tăng -> có khả năng bắt đầu nhịp tăng mới
2	CTD	Quan sát mua	21/02/23	37.2	44-48	Nền tăng tốt, cắt lên chòm MA hội tụ kèm vol tăng -> có khả năng bắt đầu nhịp tăng mới

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	GAS	Mua	11/01/23	109	104.6	4.2%	119	13.8%	101	-3.4%	
2	PVS	Nắm giữ	18/01/23	26.8	24	11.7%	28	16.7%	22.5	-6%	
3	REE	Mua	07/02/23	72.9	72.9	0.0%	80	9.7%	69.9	-4%	
4	BWE	Mua	10/02/23	46.5	47	-1.1%	52	10.6%	45.1	-4%	
5	TDM	Mua	15/02/23	36.9	36.8	0.3%	40.8	10.9%	35.6	-3%	
6	DPM	Mua	16/02/23	38.4	39.15	-1.9%	42.5	9%	37.9	-3%	
7	SBT	Mua	20/02/23	15.2	14.8	2.7%	16.45	11%	14.1	-5%	

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Ngân hàng tuần qua: Lãi suất hạ nhiệt trên các "mặt trận"

Sắp có gói tín dụng 120.000 tỷ đồng để phát triển nhà ở giá rẻ

Sáng 17/2, Hội nghị trực tuyến toàn quốc "tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững" diễn ra sôi nổi với nhiều phát ngôn ấn tượng, đặc biệt xoay quanh vấn đề giải pháp tín dụng tháo gỡ cho các doanh nghiệp bất động sản.

NHNN đã họp với 4 ngân hàng thương mại Nhà nước. Các ngân hàng thương mại Nhà nước cũng thống nhất dành một gói tín dụng cho lĩnh vực này trị giá 120.000 tỷ đồng với lãi suất cho vay cả người xây dựng và người mua nhà thấp hơn từ 1,5-2% lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng trên thị trường trong từng thời kỳ.

Ngân hàng đồng loạt giảm lãi suất cho vay, áp dụng cả bất động sản

Theo đó, lãi suất tiền gửi tại nhiều ngân hàng tư nhân lớn đã giảm 0,5-1%/năm so với trước Tết. Chẳng hạn tại Techcombank, lãi suất tối đa hiện nay chỉ còn 9%/năm thay vì 9,5%/năm. Lãi suất cao nhất của SCB cũng còn 9,5%/năm, từ mức gần 10% trước đó.

Đáng chú ý, Agribank cho biết những khách hàng có dư nợ vay kinh doanh bất động sản tại thời điểm 31/01/2023 gặp khó khăn do ảnh hưởng của Covid 19 hoặc do ảnh hưởng bởi kinh tế vĩ mô sẽ được Agribank xem xét áp dụng chính sách hỗ trợ lãi suất.

Nhập khẩu xăng dầu tháng 1 tăng hơn 90%

Theo báo cáo của Bộ Công Thương, trong tháng 1/2023, lượng xăng dầu nhập khẩu về Việt Nam đạt 1 triệu tấn, tương đương giá trị 879 triệu USD, tăng 92,6% so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, trong tháng 1/2023, Nhà máy lọc dầu Dung Quất (BSR) đã sản xuất và xuất bán khoảng 590.000 tấn sản phẩm các loại cho thị trường.

Năm 2022, cả nước đã nhập khẩu 8.874.959 tấn xăng dầu, trị giá 8,9 tỷ USD, tăng 27,7% về lượng và tăng 118,5% về kim ngạch so với năm 2021.

Trong đó, Việt Nam nhập khẩu xăng dầu nhiều nhất từ Hàn Quốc, chiếm 36 - 37% trong tổng lượng và kim ngạch nhập khẩu, đạt 3.222.662 tấn, trị giá 3,3 tỷ USD, tăng 96,2% về lượng và tăng 72% về kim ngạch so với năm 2021.

Xuất khẩu cá tra sang Mỹ giảm 81% trong tháng 1/2023

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (Vasep) cho biết tất cả các thông số chính của xuất khẩu cá tra sang Mỹ trong tháng qua đều giảm rất mạnh. Khối lượng xuất khẩu giảm 76% so với cùng kỳ năm trước và giảm 44% so với tháng trước.

Giá trị xuất khẩu sang Mỹ trong tháng 1/2023 chỉ đạt 9.84 triệu USD, giảm 40% so với tháng 12/2022 và giảm 81% so với cùng kỳ. Giá trung bình xuất khẩu cá tra sang thị trường này chỉ đạt 2.97 USD/kg, giảm 34% so với cùng kỳ năm 2022 và tương đương với giá xuất của tháng 12/2022.

Cơ quan này kỳ vọng cá tra sẽ có cơ hội trước những điều chỉnh nhu cầu ở thị trường Mỹ cũng như những tín hiệu lạc quan hơn về tình hình lạm phát.

Nguồn: Cafef, Vietstock

Tin doanh nghiệp niêm yết

Doanh thu xuất khẩu VHC xuống mức thấp nhất từ tháng 2/2021

Theo báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh, tháng 1, CTCP Vĩnh Hoàn (HOSE: VHC) ghi nhận doanh thu xuất khẩu 462 tỷ đồng, giảm 45% so với cùng kỳ và là mức thấp nhất kể từ tháng 2/2021. Đồng thời, đánh dấu tháng thứ 3 liên tiếp doanh thu tăng trưởng âm.

Xét về cơ cấu, doanh thu các ngành hàng đều giảm mạnh trong tháng 1, thu từ cá tra giảm 44% so với cùng kỳ, còn 273 tỷ đồng. Tuy nhiên, cá tra vẫn là mảng đóng góp chính vào doanh thu của Vĩnh Hoàn.

Xét theo thị trường, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất giúp Vĩnh Hoàn thu về 117 tỷ đồng tổng doanh thu. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm 2022, doanh thu xuất khẩu sang Mỹ giảm mạnh 65%.

Kết quả kém tích cực ngay tại thị trường nội địa khi doanh thu đi lùi 34% so với cùng kỳ, đạt 140 tỷ đồng. Điểm sáng duy nhất tới từ thị trường Trung Quốc khi doanh thu cải thiện 22%, đem về 32 tỷ đồng.

CNG đặt mục tiêu lợi nhuận sụt giảm 33% trong năm 2023

CTCP CNG Việt Nam (mã: CNG) vừa công bố nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch năm 2023. Công ty đặt kế hoạch doanh thu đạt 3.458 tỷ đồng, bằng gần 83% thực hiện cả năm 2022; lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt hơn 85 tỷ đồng, tương ứng bằng 67% so với thực hiện năm 2022.

Năm 2023, CNG kế hoạch giữ nguyên 270 tỷ đồng vốn góp, dự kiến tăng vốn chủ sở hữu lên 612 tỷ đồng, tương ứng tăng 35 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm. Công ty cũng dự kiến chi 40,5 tỷ đồng để chia cổ tức cho cổ đông tương ứng tỷ lệ 15% VDL.

Lũy kế cả năm 2022, doanh nghiệp đã hoàn thành vượt 29,3% mục tiêu doanh thu và vượt 44% mục tiêu lợi nhuận.

Bột giặt LIX lên kế hoạch lợi nhuận quý 1/2023 "đi lùi"

Công ty Cổ phần Bột giặt Lix (mã chứng khoán: LIX) vừa thông qua kế hoạch kinh doanh quý 1/2023 với doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt là 650 tỷ đồng và 50 tỷ đồng.

So với thực hiện quý 1/2022, kế hoạch này giảm 3% về doanh thu và 9% về lợi nhuận.

Lũy kế cả năm 2022, LIX đạt doanh thu thuần 2.815 tỷ đồng, tăng nhẹ 7% so với thực hiện năm 2021. Đáng chú ý, doanh thu hoạt động tài chính tăng gấp 7,2 lần từ 4,7 tỷ lên 34 tỷ đồng. Kết thúc năm, LIX báo lãi trước thuế đạt 263 tỷ đồng, tăng gần 20% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế đạt 213 tỷ đồng. EPS đạt hơn 5.900 đồng.

Nguồn: Cafef, Vietstock

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Thống kê giao dịch khớp lệnh

TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VHM	45,200	4.39%	0.20%
BID	47,200	3.06%	0.17%
VPB	18,300	5.78%	0.16%
HPG	21,900	4.29%	0.12%
MSN	94,500	3.50%	0.11%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
SHS	9,100	8.33%	0.22%
IDC	42,500	4.17%	0.21%
CEO	23,400	9.86%	0.20%
KSV	30,400	8.57%	0.18%
MBS	14,800	8.82%	0.17%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
PGV	18,550	-1.33%	-0.01%
TRA	90,000	-4.15%	0.00%
CVT	34,500	-6.63%	0.00%
STG	37,000	-2.37%	0.00%
PAC	30,900	-5.65%	0.00%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
PTI	34,000	-7.61%	-0.09%
PVI	49,000	-1.21%	-0.05%
KSF	50,000	-0.79%	-0.05%
SGH	47,000	-9.44%	-0.02%
PGS	26,000	-3.35%	-0.02%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
VND	15,450	6.92%	25,161,284
HPG	21,900	4.29%	24,755,857
NVL	12,450	6.87%	24,439,905
SSI	20,750	6.68%	23,660,400
HSG	16,200	4.52%	21,421,585

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHS	9,100	8.33%	16,045,089
CEO	23,400	9.86%	14,388,698
PVS	26,800	3.08%	7,207,156
IDC	42,500	4.17%	5,506,865
MBS	14,800	8.82%	3,156,738

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
HPG	21,900	4.29%	533.3
STB	25,700	5.33%	506.7
SSI	20,750	6.68%	477.8
VND	15,450	6.92%	378.8
VPB	18,300	5.78%	366.2

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
CEO	23,400	9.86%	327.5
IDC	42,500	4.17%	230.4
PVS	26,800	3.08%	190.1
SHS	9,100	8.33%	141.7
TNG	18,600	5.68%	52.7

Thống kê giao dịch thỏa thuận

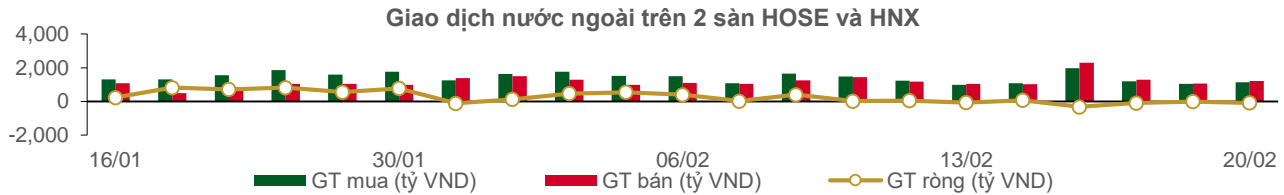
TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN

HOSE		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
MSN	2,400,000	219.12
ACB	4,450,000	117.93
TCB	3,256,700	93.07
MSB	6,697,000	83.75
VPB	4,200,000	74.97

HNX		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
HUT	472,815	6.62
TAR	69,000	0.83
L14	15,610	0.69
VNR	25,000	0.55
KST	28,800	0.40

Thông kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	51.36	1,125.27	46.70	1,213.56	4.65	(88.29)
HNX	0.71	11.34	0.15	3.40	0.56	7.93
Tổng 2 sàn	52.07	1,136.61	46.86	1,216.96	5.21	(80.36)



TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
ACB	25,800	4,450,000	117.93
HPG	21,900	2,970,400	63.95
FUEVFVND	23,470	2,750,400	63.58
VPB	18,300	3,100,000	55.17
VCB	93,800	551,000	51.68

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
SHS	9,100	399,000	3.55
IDC	42,500	52,200	2.22
PVS	26,800	70,100	1.84
CEO	23,400	71,300	1.62
TNG	18,600	85,400	1.56

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
ACB	25,800	4,450,000	117.93
VHM	45,200	2,285,300	102.65
VCB	93,800	899,800	84.35
STB	25,700	2,545,000	64.24
VPB	18,300	3,240,400	57.59

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
IDC	42,500	31,400	1.29
CEO	23,400	36,500	0.83
PVS	26,800	22,500	0.59
SHS	9,100	20,300	0.18
DAD	19,000	3,900	0.07

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
SSI	20,750	1,408,400	28.37
HSG	16,200	1,552,800	24.75
NVL	12,450	1,862,400	22.87
HDB	18,800	875,900	16.25
VIC	54,100	296,400	16.08

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
SHS	9,100	378,700	3.37
TNG	18,600	84,400	1.55
PVS	26,800	47,600	1.25
IDC	42,500	20,800	0.92
CEO	23,400	34,800	0.79

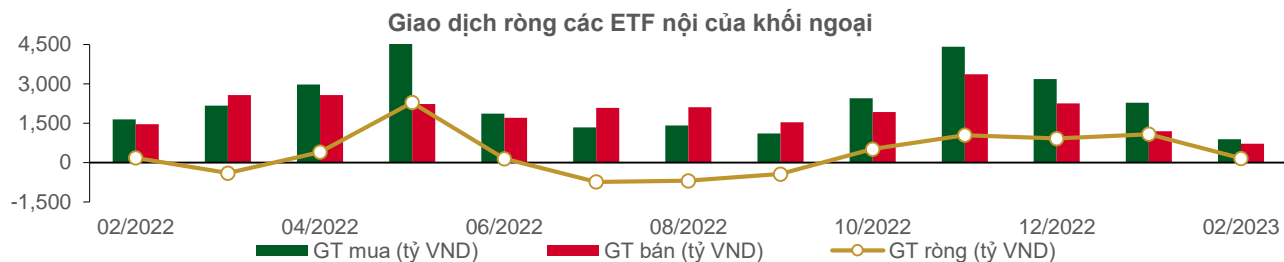
TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VHM	45,200	(1,475,500)	(66.22)
DCM	26,100	(1,857,900)	(47.65)
DXG	11,900	(3,490,800)	(41.23)
VCB	93,800	(348,800)	(32.66)
STB	25,700	(1,134,300)	(28.81)

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
DAD	19,000	(3,900)	(0.07)
STP	7,000	(8,500)	(0.06)
L14	53,000	(900)	(0.04)
ICG	5,700	(7,600)	(0.04)
TSB	40,000	(900)	(0.04)

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ					MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI			
Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)	Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFN30	18,320	2.6%	1,705,586	31.18	E1VFN30	27.65	29.69	(2.04)
FUEMAV30	12,820	3.3%	35,200	0.45	FUEMAV30	0.44	0.18	0.26
FUESSV30	13,240	3.4%	12,300	0.16	FUESSV30	0.11	0.00	0.11
FUESSV50	16,010	3.0%	52,005	0.81	FUESSV50	0.00	0.55	(0.55)
FUESSVFL	15,700	4.6%	355,100	5.51	FUESSVFL	5.45	4.82	0.63
FUEVFN30	23,470	2.4%	3,328,115	76.88	FUEVFN30	63.58	52.20	11.38
FUEVN100	13,970	4.3%	95,120	1.29	FUEVN100	0.52	0.89	(0.37)
FUEIP100	7,500	1.4%	76,500	0.57	FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	7,160	4.1%	54,600	0.38	FUEKIV30	0.18	0.18	(0.01)
FUEDCMID	8,460	4.2%	8,400	0.07	FUEDCMID	0.06	0.00	0.06
FUEKIVFS	9,070	2.6%	50,700	0.46	FUEKIVFS	0.23	0.23	(0.01)
Tổng cộng			5,773,626	117.77	Tổng cộng	98.22	88.75	9.47



Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CACB2207	330	32.0%	63,130	39	25,800	354	24	25,500	4.0	31/03/2023
CACB2208	1,660	14.5%	1,080	197	25,800	1,399	(261)	21,500	4.0	05/09/2023
CFPT2209	210	23.5%	29,290	39	82,800	187	(23)	88,000	10.0	31/03/2023
CFPT2210	720	18.0%	13,060	192	82,800	615	(105)	90,000	10.0	31/08/2023
CFPT2211	140	7.7%	5,470	10	82,800	102	(38)	85,000	10.0	02/03/2023
CFPT2212	1,520	7.0%	5,850	106	82,800	1,497	(23)	70,000	10.0	06/06/2023
CFPT2214	1,700	8.3%	60	254	82,800	1,428	(272)	76,000	10.0	01/11/2023
CFPT2301	2,220	2.3%	500	127	82,800	1,121	(1,099)	84,000	6.0	27/06/2023
CHDB2208	300	7.1%	21,380	36	18,800	173	(127)	19,190	4.0	28/03/2023
CHDB2210	40	33.3%	80	18	18,800	1	(39)	23,100	4.0	10/03/2023
CHPG2215	150	7.1%	101,860	36	21,900	91	(59)	23,000	10.0	28/03/2023
CHPG2219	80	0.0%	3,320	18	21,900	6	(74)	26,890	5.0	10/03/2023
CHPG2221	80	0.0%	122,120	39	21,900	108	28	25,000	4.0	31/03/2023
CHPG2223	280	21.7%	231,790	10	21,900	227	(53)	22,500	2.0	02/03/2023
CHPG2224	130	8.3%	83,600	9	21,900	132	2	22,220	4.0	01/03/2023
CHPG2225	1,700	9.7%	56,370	106	21,900	1,843	143	17,000	3.0	06/06/2023
CHPG2226	2,580	12.2%	15,580	197	21,900	2,274	(306)	19,500	2.0	05/09/2023
CHPG2227	2,600	11.1%	20,630	254	21,900	2,230	(370)	20,500	2.0	01/11/2023
CHPG2301	2,510	0.0%	0	127	21,900	2,123	(387)	19,000	2.0	27/06/2023
CHPG2302	2,870	6.3%	70	219	21,900	2,223	(647)	20,000	2.0	27/09/2023
CKDH2209	100	11.1%	2,750	36	28,300	11	(89)	36,340	7.3	28/03/2023
CKDH2212	20	100.0%	16,530	18	28,300	0	(20)	42,000	8.0	10/03/2023
CMBB2210	50	25.0%	41,230	39	18,900	9	(41)	25,500	2.0	31/03/2023
CMBB2211	170	6.3%	49,110	192	18,900	124	(46)	27,000	4.0	31/08/2023
CMBB2212	200	0.0%	2,180	9	18,900	126	(74)	17,780	10.0	01/03/2023
CMBB2213	1,000	7.5%	45,450	106	18,900	972	(28)	17,000	3.0	06/06/2023
CMBB2214	1,830	0.0%	2,740	197	18,900	1,785	(45)	17,000	2.0	05/09/2023
CMBB2215	1,980	11.2%	1,930	254	18,900	1,690	(290)	18,000	2.0	01/11/2023
CMBB2301	1,150	11.7%	100	127	18,900	886	(264)	16,300	4.0	27/06/2023
CMBB2302	1,210	0.0%	0	127	18,900	906	(304)	19,400	2.0	27/06/2023
CMSN2209	100	0.0%	38,760	36	94,500	48	(52)	111,410	19.9	28/03/2023
CMSN2212	50	25.0%	430	18	94,500	10	(40)	112,230	20.0	10/03/2023
CMSN2213	20	100.0%	113,550	10	94,500	6	(14)	110,000	10.0	02/03/2023
CMSN2214	490	16.7%	4,650	106	94,500	751	261	100,000	10.0	06/06/2023
CMSN2215	1,270	14.4%	780	197	94,500	1,059	(211)	102,000	10.0	05/09/2023
CMWG2210	20	0.0%	2,220	18	44,300	0	(20)	59,000	20.0	10/03/2023
CMWG2212	20	0.0%	520	39	44,300	0	(20)	75,000	10.0	31/03/2023
CMWG2213	330	6.5%	24,550	106	44,300	255	(75)	54,000	6.0	06/06/2023
CMWG2214	750	7.1%	19,300	197	44,300	543	(207)	46,500	10.0	05/09/2023
CMWG2215	940	5.6%	41,330	254	44,300	698	(242)	45,000	10.0	01/11/2023
CNVL2208	20	0.0%	31,530	36	12,450	0	(20)	80,000	16.0	28/03/2023
CNVL2210	30	50.0%	8,220	18	12,450	0	(30)	88,890	16.0	10/03/2023
CPDR2205	20	0.0%	11,910	36	11,700	0	(20)	53,000	16.0	28/03/2023
CPDR2206	10	0.0%	22,120	9	11,700	0	(10)	51,890	10.0	01/03/2023
CPOW2204	130	8.3%	50,180	36	12,650	71	(59)	13,980	5.0	28/03/2023
CPOW2208	50	0.0%	0	18	12,650	8	(42)	15,220	4.0	10/03/2023
CPOW2209	90	-10.0%	110,520	49	12,650	27	(63)	16,330	4.0	10/04/2023
CPOW2210	970	1.0%	21,190	106	12,650	1,295	325	13,000	1.0	06/06/2023
CSTB2215	870	22.5%	51,950	36	25,700	794	(76)	22,220	5.0	28/03/2023
CSTB2218	270	22.7%	117,300	39	25,700	474	204	28,000	2.0	31/03/2023
CSTB2220	820	54.7%	31,540	10	25,700	810	(10)	24,500	2.0	02/03/2023
CSTB2222	1,320	25.7%	70,990	9	25,700	1,376	56	20,220	4.0	01/03/2023

Bản tin chứng khoán

CSTB2223	1,110	30.6%	88,020	9	25,700	1,155	45	21,110	4.0	01/03/2023
CSTB2224	3,840	15.0%	4,620	197	25,700	3,702	(138)	20,000	2.0	05/09/2023
CSTB2225	3,960	14.1%	20,510	254	25,700	3,774	(186)	20,500	2.0	01/11/2023
CTCB2211	30	0.0%	20,690	39	28,600	1	(29)	42,000	4.0	31/03/2023
CTCB2212	170	6.3%	8,920	192	28,600	126	(44)	44,000	4.0	31/08/2023
CTCB2213	10	0.0%	33,240	10	28,600	0	(10)	38,000	4.0	02/03/2023
CTCB2214	1,040	7.2%	3,740	106	28,600	1,224	184	27,000	3.0	06/06/2023
CTCB2215	1,520	8.6%	1,340	197	28,600	1,251	(269)	26,500	4.0	05/09/2023
CTPB2204	320	3.2%	220	36	24,600	171	(149)	23,890	10.0	28/03/2023
CVHM2211	50	25.0%	20	36	45,200	0	(50)	65,000	16.0	28/03/2023
CVHM2213	20	0.0%	10,850	18	45,200	0	(20)	63,980	16.0	10/03/2023
CVHM2215	40	33.3%	69,530	39	45,200	2	(38)	60,000	6.0	31/03/2023
CVHM2216	210	16.7%	70,600	192	45,200	87	(123)	62,000	8.0	31/08/2023
CVHM2217	20	100.0%	63,140	9	45,200	0	(20)	52,000	10.0	01/03/2023
CVHM2218	380	22.6%	122,520	106	45,200	143	(237)	54,000	6.0	06/06/2023
CVHM2219	760	20.6%	18,880	197	45,200	306	(454)	56,000	5.0	05/09/2023
CVHM2220	960	26.3%	40,510	254	45,200	348	(612)	58,000	5.0	01/11/2023
CVIB2201	2,800	7.7%	180	197	22,000	2,240	(560)	19,620	1.9	05/09/2023
CVJC2204	60	20.0%	4,140	36	102,600	0	(60)	133,980	20.0	28/03/2023
CVJC2206	20	0.0%	48,090	18	102,600	0	(20)	133,000	20.0	10/03/2023
CVNM2207	730	5.8%	18,060	36	77,500	692	(38)	67,460	15.2	28/03/2023
CVNM2209	280	16.7%	3,220	18	77,500	202	(78)	75,540	15.7	10/03/2023
CVNM2210	1,240	18.1%	7,190	10	77,500	1,213	(27)	71,720	4.9	02/03/2023
CVNM2211	2,200	0.0%	440	106	77,500	2,109	(91)	66,810	5.9	06/06/2023
CVNM2212	1,130	2.7%	10	197	77,500	759	(371)	80,560	7.9	05/09/2023
CVPB2211	110	22.2%	50,200	39	18,300	36	(74)	23,310	1.3	31/03/2023
CVPB2212	350	16.7%	18,100	192	18,300	234	(116)	24,640	2.7	31/08/2023
CVPB2213	90	125.0%	164,740	10	18,300	30	(60)	20,320	1.3	02/03/2023
CVPB2214	950	11.8%	61,320	197	18,300	776	(174)	17,000	4.0	05/09/2023
CVPB2301	830	12.2%	7,400	219	18,300	492	(338)	19,800	4.0	27/09/2023
CVRE2211	280	16.7%	9,950	36	29,350	251	(29)	28,890	8.0	28/03/2023
CVRE2213	120	-40.0%	350	18	29,350	74	(46)	32,000	5.0	10/03/2023
CVRE2215	630	53.7%	24,120	39	29,350	777	147	30,000	2.0	31/03/2023
CVRE2216	730	10.6%	17,670	192	29,350	892	162	31,000	4.0	31/08/2023
CVRE2217	940	10.6%	140	10	29,350	1,060	120	27,500	2.0	02/03/2023
CVRE2218	320	18.5%	117,870	9	29,350	357	37	27,890	5.0	01/03/2023
CVRE2219	630	12.5%	19,330	106	29,350	1,094	464	29,000	3.0	06/06/2023
CVRE2220	1,120	6.7%	100	197	29,350	1,009	(111)	30,000	4.0	05/09/2023
CVRE2221	1,010	6.3%	1,610	254	29,350	927	(83)	32,500	4.0	01/11/2023

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2023F (tỷ VND)	PE forward	PB forward
PNJ	HOSE	84,500	82,800	13/02/2023	1,763	N/A	N/A
OCB	HOSE	17,650	23,200	19/01/2023	3,517	9.1	1.1
DGW	HOSE	40,800	42,200	12/01/2023	538	11.7	2.3
GEG	HOSE	15,150	23,000	05/01/2023	426	25.3	1.8
TPB	HOSE	24,600	34,000	04/01/2023	6,694	8.0	1.4
TCM	HOSE	51,800	55,200	28/12/2022	253	17.9	2.6
VCB	HOSE	93,800	111,681	19/12/2022	32,660	16.5	3.0
BID	HOSE	47,200	53,363	19/12/2022	19,032	14.1	2.2
CTG	HOSE	30,450	43,440	19/12/2022	17,382	12.0	1.7

Bản tin chứng khoán

TCB	HOSE	28,600	49,353	19/12/2022	24,518	7.0	1.2
MBB	HOSE	18,900	33,800	19/12/2022	24,005	6.4	1.5
ACB	HOSE	25,800	35,562	19/12/2022	15,757	7.6	1.4
VPB	HOSE	18,300	29,888	19/12/2022	24,988	8.0	1.6
HDB	HOSE	18,800	24,877	19/12/2022	9,995	5.0	1.0
VIB	HOSE	22,000	36,900	19/12/2022	9,762	8.0	1.8
LPB	HOSE	15,000	23,500	19/12/2022	4,833	8.4	1.4
MSB	HOSE	13,000	18,000	19/12/2022	4,874	7.4	1.1
SHB	HOSE	10,500	22,500	19/12/2022	10,196	6.8	1.2
PVI	HNX	49,000	47,002	19/12/2022	996	13.8	1.3
BMI	HOSE	26,800	25,190	19/12/2022	427	9.0	1.0
BVH	HOSE	51,200	70,900	19/12/2022	2,967	17.7	2.3
ANV	HOSE	33,700	30,100	19/12/2022	320	12.0	1.3
MPC	UPCOM	18,174	27,219	19/12/2022	572	9.5	0.9
VHC	HOSE	65,000	69,000	19/12/2022	1,510	8.4	1.5
FMC	HOSE	37,350	37,300	19/12/2022	266	9.2	1.1
POW	HOSE	12,650	13,800	19/12/2022	2,847	12.7	1.0
NT2	HOSE	29,500	31,200	19/12/2022	957	10.1	2.0
VHM	HOSE	45,200	82,000	19/12/2022	35,578	10.0	2.3
NLG	HOSE	29,500	38,400	19/12/2022	1,368	9.7	1.4
KDH	HOSE	28,300	36,500	19/12/2022	1,363	18.1	1.9
VRE	HOSE	29,350	40,720	19/12/2022	3,461	26.7	2.7
SZC	HOSE	30,700	42,700	19/12/2022	585	7.5	2.6
GVR	HOSE	15,450	29,755	19/12/2022	5,521	27.8	2.1
LHG	HOSE	22,950	42,250	19/12/2022	653	3.5	1.2
MWG	HOSE	44,300	61,000	19/12/2022	4,891	27.2	3.8
FRT	HOSE	76,000	126,900	19/12/2022	726	35.9	7.2
VNM	HOSE	77,500	84,300	19/12/2022	10,876	18.2	4.9
SAB	HOSE	190,200	175,400	19/12/2022	5,559	19.2	4.5
GAS	HOSE	109,000	113,400	19/12/2022	18,771	11.6	3.1
PLX	HOSE	39,400	48,500	19/12/2022	2,439	29.6	2.4
BSR	UPCOM	16,776	24,900	19/12/2022	7,375	10.4	1.4
PVT	HOSE	20,700	26,900	19/12/2022	831	14.1	1.2
TRA	HOSE	90,000	117,400	19/12/2022	349	13.9	2.8
DHG	HOSE	97,700	106,300	19/12/2022	981	14.2	3.0
IMP	HOSE	53,300	60,400	19/12/2022	306	13.2	1.9
STK	HOSE	28,700	45,800	19/12/2022	239	13.5	1.8

Nguồn: PHS

* Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên,
Phường Tân Phú, Quận 7,
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam,
157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận
3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04
Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận
Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,
127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần
Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải
Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby,
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912